

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; số 1523/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; số 570/QĐ-TTg ngày 11/3/2025 về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Công văn của Bộ Tài chính: số 2026/BTC-HCSN ngày 19/02/2025 và số 2694/BTC-KTN ngày 06/3/2025 về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Căn cứ các Quyết định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: số 2396/QĐ-TLĐ ngày 25/12/2024 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 chi viện trợ; số 2397/QĐ-TLĐ ngày 25/12/2024 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 chi thường xuyên; số 2902/QĐ-TLĐ ngày 12/3/2025 về việc hủy dự toán phân bổ kinh phí nhiệm vụ thường xuyên năm 2025 của Trường Đại học Công đoàn; số 2960/QĐ-TLĐ ngày 19/3/2025 về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Ban Tài chính Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Tài chính, các Ban liên quan và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch TLĐ (để b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch TLĐ;
- Như Điều 3;
- Công TTĐTCDVN (Ban TG-NC);
- Lưu: VT, TC.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Anh



TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**Chương: 115****DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ, CHI CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: **3068/QĐ-TLĐ** ngày **28/3/2025**
của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
A	B	1	2
I	Nguồn ngân sách trong nước	297,930.00	265,744.00
1	Chi quản lý hành chính	2,650.00	2,650.00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2,650.00	2,650.00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	31,500.00	31,500.00
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	4,535.00	4,535.00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	4,535.00	4,535.00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	26,965.00	26,965.00
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	247,810.00	216,635.00
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	247,810.00	216,635.00
4	Chi hoạt động kinh tế	0.00	0.00
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	7,570.00	7,570.00
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7,570.00	7,570.00
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3,400.00	3,400.00
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,400.00	3,400.00
7	Chi đảm bảo xã hội	3,000.00	3,000.00
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,000.00	3,000.00
8	Chi viện trợ	2,000.00	989.00
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,000.00	989.00

Ghi chú:

Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước đã phân bổ 265.744 triệu đồng:

1. Chưa bao gồm dự toán 12.138 triệu đồng (chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề) kinh phí đào tạo lái xe ô tô hạng B và hạng C theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; kinh phí viện trợ chi chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ, học sinh Lào 1.011 triệu đồng.
2. Đã hủy dự toán 2.806 triệu đồng (chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính.
3. Đã hủy dự toán 16.231 triệu đồng (chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề) phân bổ nhiệm vụ thường xuyên năm 2025 của Trường Đại học Công đoàn, số tiền theo Quyết định số 2902/QĐ-TLĐ ngày 12/3/2025 của Tổng Liên đoàn LĐVN.

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Quyết định số: **3068/QĐ-TLĐ** ngày **28/3/2025** của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trung tâm Quản lý các dự án - Tổng Liên đoàn

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	1/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	9,710
1	Chi quản lý hành chính	2,600
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2,600
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	640
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	640
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1,970
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,970
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1,500
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,500
7	Chi đảm bảo xã hội	3,000
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,000

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề phân bổ năm 2025 đã bao gồm kinh phí Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là 2.140 triệu đồng của Dự án 4, Tiểu dự án 1 là 640 triệu đồng; kinh phí chi sự nghiệp văn hóa thông tin phân bổ năm 2025 đã bao gồm kinh phí Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Dự án 6, Tiểu dự án 1 là 1.500 triệu đồng.

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Quyết định số: 2068/QĐ-TLĐ ngày 28 / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Viện Khoa học An toàn và Vệ sinh lao động

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	2/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	34,100
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	31,500
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	4,535
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	4,535
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	26,965
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0.0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi hoạt động kinh tế	0.0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2,600
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,600
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 03

(Kèm theo Quyết định số: **3068/QĐ-TLĐ** ngày **28/3/2025** của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Nhà xuất bản Lao động

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	3/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	400
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	400
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	400

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp sự nghiệp văn hóa thông tin phân bổ năm 2025 gồm kinh phí Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Dự án 6, Tiểu dự án 1 là 400 triệu đồng

PHỤ LỤC SỐ 04

(Kèm theo Quyết định số: **3068**/QĐ-TLĐ ngày **28**/ 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Báo Lao động

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	4/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	3,800
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3,000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,000
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	800
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	800

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp văn hóa thông tin phân bổ năm 2025 đã bao gồm kinh phí Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Dự án 6, Tiểu dự án 1 là 800 triệu đồng.

PHỤ LỤC SỐ 05

(Kèm theo Quyết định số: **3068/QĐ-TLĐ** ngày **28** / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Viện Nghiên cứu chiến lược và Tạp chí lao động - Công đoàn

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	5/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	750
1	Chi quản lý hành chính	50
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	50
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	700
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	700

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp văn hóa thông tin phân bổ năm 2025 đã bao gồm kinh phí Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Dự án 6, Tiểu dự án 1 là 700 triệu đồng.

PHỤ LỤC SỐ 06

(Kèm theo Quyết định số: ~~3068~~ QĐ-TLĐ ngày ~~28~~ / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Đại học Công đoàn

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	6/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	2,648
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0.0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2,124
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,124
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi viện trợ	524.0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	524.0

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề đã tính hủy dự toán phân bổ nhiệm vụ thường xuyên năm 2025 của Trường Đại học Công đoàn, số tiền 16.231 triệu đồng theo Quyết định số 2902/QĐ-TLĐ ngày 12/3/2025 của Tổng Liên đoàn LĐVN.

PHỤ LỤC SỐ 07

(Kèm theo Quyết định số: **3068**/QĐ-TLĐ ngày **28**/ 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Đại học Tôn Đức Thắng

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	7/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	3,435
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2,970
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,970
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi viện trợ	465
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	465

PHỤ LỤC SỐ 08

(Kèm theo Quyết định số: **3068**/QĐ-TLĐ ngày **28** / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Cao đẳng kinh tế-kỹ thuật số 1 Nghệ An

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	8/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	28,231
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28,231
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	28,231
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề phân bổ năm 2025 đã bao gồm kinh phí Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của Dự án 4, Tiểu dự án 1 là 7.500 triệu đồng.

PHỤ LỤC SỐ 09

(Kèm theo Quyết định số: **3068/QĐ-TLĐ** ngày **28/3/2025** của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Cao đẳng Đồng Khởi Bến Tre

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	9/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	10,421
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0.0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10,421
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10,421
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề phân bổ năm 2025 của Trường Cao đẳng Đồng Khởi Bến Tre chưa bao gồm dự toán 2.976 triệu đồng kinh phí đào tạo lái xe ô tô hạng B và hạng C theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 10

(Kèm theo Quyết định số: ~~3163~~ QĐ-TLĐ ngày 29/3/2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Cao đẳng công nghệ Hà Tĩnh

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	10/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	30,025
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	30,025
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	30,025
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề phân bổ năm 2025 của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh chưa bao gồm dự toán 1.109 triệu đồng kinh phí đào tạo lái xe ô tô hạng B và hạng C theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 11

(Kèm theo Quyết định số: **3068/QĐ-TLĐ** ngày **28** / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp kinh tế-kỹ thuật số 2 Đồng Nai

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	11/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	14,590
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14,590
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14,590
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 12

(Kèm theo Quyết định số **2068** /QĐ-TLĐ ngày **28** / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	12/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	23,011
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23,011
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	23,011
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Ghi chú:

- Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề phân bổ năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên chưa bao gồm dự toán 8.053 triệu đồng kinh phí đào tạo lái xe ô tô hạng B và hạng C theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 13

(Kèm theo Quyết định số: ~~3068~~/QĐ-TLĐ ngày ~~28~~/3/2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp du lịch-công nghệ số 9

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	13/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	31,760
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	31,760
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	31,760
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 14

(Kèm theo Quyết định số: **3068**/QĐ-TLĐ ngày **28** / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp công nghệ số 8 Nam Định

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	14/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	14,916
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14,916
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14,916
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 15

(Kèm theo Quyết định số: ~~4068~~ /QĐ-TLĐ ngày ~~28~~ / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp công nghệ số 10 Thừa Thiên Huế

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	15/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	10,498
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10,498
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10,498
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 16

(Kèm theo Quyết định số: 3068/QĐ-TLĐ ngày 28/3/2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp nghiệp vụ và dạy nghề công đoàn Hà Nội

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	16/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	1,420
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1,420
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,420
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 17

(Kèm theo Quyết định số: 3068/QĐ-TLĐ ngày: 28 / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Bắc Ninh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	17/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	8,617
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8,617
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8,617
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 18

(Kèm theo Quyết định số: **3068/QĐ-TLĐ** ngày **28/3/2025** của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp kinh tế-kỹ thuật Bình Thuận

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	18/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	8,941
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8,941
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8,941
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 19

(Kèm theo Quyết định số: **3062** /QĐ-TLĐ ngày **28** / 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp kỹ thuật du lịch công đoàn Ninh Bình

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	19/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	12,183
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12,183
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12,183
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

PHỤ LỤC SỐ 20

(Kèm theo Quyết định số: ~~2068~~/QĐ-TLĐ ngày 28/ 3 /2025 của Đoàn Chủ tịch
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Đơn vị: Trường Trung cấp kỹ thuật và nghiệp vụ công đoàn Bình Dương

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ
A	B	20/20
I	Nguồn ngân sách trong nước	16,288
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16,288
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16,288
4	Chi hoạt động kinh tế	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

ANG VIẾT